



AAT SERVICES CO., LTD.

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN  
CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ TƯ VẤN THUẾ AAT  
AUDITING, ACCOUNTING AND TAX ADVISORY SERVICES COMPANY LIMITED**

**Trụ sở chính:**

Add: P.2407 Nhà 34T - Khu ĐTM Trung Hòa Nhân Chính - Đường Hoàng Đạo Thúy - P. Trung Hòa - Q. Cầu Giấy - TP. Hà Nội  
Tel: 84.4.2.2210082/84.4.2.2413585 - Fax: 84.4.2.2210084  
Email: info@aat.com.vn - Website: <http://www.aat.com.vn> - Tax Code: 0102283607

**Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh:**

Add: Tầng 4 - Tòa nhà Mirae Business Center, Số 268 Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, TP. Hồ Chí Minh  
Tel: 84.8.3979 8188 - Fax: 84.8.3979 8189 - Email: aat-hcm@aat.com.vn

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN  
CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	01
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	02 – 04
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	05 – 06
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	07 – 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	12 – 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	14 – 32

\*\*\*\*\*

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

### Khái quát về Công ty

Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai là doanh nghiệp Nhà nước, được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600259296 (số cũ: 4704000005) chứng nhận lần đầu ngày 07 tháng 04 năm 2004, thay đổi lần 3 ngày 23 tháng 05 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính đặt tại số 48, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ của Công ty là 445.000.000.000 đồng.

Chủ sở hữu : Tổng Công ty phát triển Khu Công nghiệp.

Địa chỉ của chủ sở hữu: Số 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Hoạt động chính của Công ty gồm:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước: Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại: Sản xuất các sản phẩm cơ khí chuyên ngành nước;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Kinh doanh khách sạn;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Kinh doanh vật tư thiết bị phụ kiện chuyên ngành nước;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Tư vấn thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp; Thiết kế công trình cấp nước; Thiết kế hệ thống cấp nước cho công trình; Dịch vụ hỗ trợ xây dựng; Dịch vụ tư vấn thiết kế khác; Thiết kế công trình thoát nước; Lập dự án đầu tư, thẩm định dự án đầu tư; Giám sát thi công công trình dân dụng – công nghiệp; Lập hồ sơ mời thầu; Đánh giá hồ sơ dự thầu; Thẩm định thiết kế kỹ thuật; Quyết toán các dự án đầu tư; Tư vấn quản lý dự án đầu tư; Thẩm định hồ sơ mời thầu và dự toán – tổng dự toán; Thẩm định kết quả đấu thầu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị và khu công nghiệp; Xây dựng nhà ở và cho thuê nhà; Cho thuê văn phòng; Kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng: Sản xuất nước tinh khiết đóng chai;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng công trình công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí: Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Xây dựng công trình công ích: Xây dựng các công trình cấp thoát nước; Xây dựng trạm bơm;
- Xây dựng nhà các loại: Xây dựng công trình dân dụng.

### Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 32).

# CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

## Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Trong năm 2014, Công ty đang làm thủ tục Cổ phần hóa theo Quyết định số 1977/QĐ-UBND ngày 25/06/2013 của UBND tỉnh Đồng Nai về phê duyệt đề án tái cơ cấu Tổng Công ty Phát triển Khu Công nghiệp giai đoạn 2012 - 2015.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

## Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc

Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

### Hội đồng Thành viên

Họ và tên	Chức vụ
Ông Vũ Văn Học	Chủ tịch
Ông Đặng Trọng Thành	Phó Chủ tịch
Ông Phan Hùng	Ủy viên
Ông Lê Duy Diệp	Ủy viên
Ông Ngô Thanh Thụy	Ủy viên

### Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Đặng Trọng Thành	Giám đốc
Ông Phan Hùng	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Thịnh	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Bình	Phó Giám đốc
Bà Mai Ngọc Thu	Phó Giám đốc
Ông Lê Duy Diệp	Kế toán trưởng

### Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán, Kế toán và Tư vấn Thuế AAT tại thành phố Hồ Chí Minh đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

### Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phán ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

**CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**  
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

---

Chúng tôi, Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

  
Thay mặt Ban Giám đốc

**Đặng Trọng Thành**  
Giám đốc

Ngày 25 tháng 02 năm 2014

2-  
TÀI  
T  
K  
K  
T  
T  
CH  
H  
C



Số: 010/2014/BCKT-AAT

**BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP  
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA NĂM TÀI CHÍNH  
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013  
CỦA CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 25 tháng 02 năm 2014, từ trang 07 đến trang 32 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty đã được kiểm toán bởi chúng tôi và được phát hành dưới dạng ý kiến chấp nhận toàn phần có đoạn nhấn mạnh về việc xử lý chênh lệch tỷ giá, ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và ghi nhận chi phí đầu tư xây dựng cơ bản.

**Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Không phù nhận ý kiến nêu trên, Chúng tôi muốn lưu ý người đọc báo cáo vấn đề sau:

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty theo thuyết minh V.19 sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Cũng như, công việc kiểm toán nhằm đưa ra ý kiến về tình hình tài chính theo các thủ tục kiểm toán Báo cáo tài chính thông thường, không nhằm đưa ra ý kiến về giá trị quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành, việc này chỉ thực hiện được khi tiến hành các thủ tục kiểm toán đặc thù áp dụng riêng cho việc quyết toán vốn đầu tư các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành. Chúng tôi chỉ đưa ra ý kiến kiểm toán trên cơ sở thực hiện việc kiểm tra các biên bản nghiệm thu - bàn giao giữa Công ty và các nhà thầu.

Thay mặt và đại diện cho

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán Kế toán  
và Tư vấn Thuế AAT tại thành phố Hồ Chí Minh**



**Trương Quang Trung – Giám đốc**  
*Giấy chứng nhận hành nghề kiểm toán*  
Số: 1752-2013-141-1

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2014

**Phạm Thị Anh Khoa – Kiểm toán viên**  
*Giấy chứng nhận hành nghề kiểm toán*  
Số: 1521-2013-141-1





**CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>316.433.998.584</b>	<b>445.337.851.562</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>66.191.892.843</b>	<b>41.019.820.353</b>
1. Tiền	111	V.1	66.191.892.843	21.019.820.353
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	20.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>196.207.697.534</b>	<b>362.904.393.376</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	44.375.467.765	38.718.760.566
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	145.241.250.329	318.656.039.063
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	7.376.988.849	5.679.593.747
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(786.009.409)	(150.000.000)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>32.878.038.353</b>	<b>36.333.824.246</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	32.878.038.353	36.333.824.246
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>21.156.369.854</b>	<b>5.079.813.587</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		18.201.141.718	3.048.194.288
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.7	1.351.353.977	30.309.537
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	1.603.874.159	2.001.309.762

**CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>2.124.149.458.132</b>	<b>1.891.192.220.044</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.074.199.346.147</b>	<b>1.843.108.284.477</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	1.358.781.113.729	442.076.611.676
<i>Nguyên giá</i>	222		2.175.426.605.259	1.084.448.029.507
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(816.645.491.530)	(642.371.417.831)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	10.573.802.480	10.328.195.249
<i>Nguyên giá</i>	228		12.006.914.568	11.411.362.568
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.433.112.088)	(1.083.167.319)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	704.844.429.938	1.390.703.477.552
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>48.457.332.268</b>	<b>46.015.324.398</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.12	39.493.053.500	42.043.053.500
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.13	7.297.500.000	2.160.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.14	1.950.100.000	1.950.100.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(283.321.232)	(137.829.102)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.492.779.717</b>	<b>2.068.611.169</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	1.492.779.717	2.068.611.169
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2.440.583.456.716</b>	<b>2.336.530.071.606</b>

**CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.956.458.963.134</b>	<b>2.023.839.072.021</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>237.288.282.130</b>	<b>170.053.004.812</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.16	158.341.932.528	94.452.804.321
2. Phải trả người bán	312	V.17	44.710.724.610	41.338.142.796
3. Người mua trả tiền trước	313	V.18	1.967.914.811	2.431.698.894
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.19	2.258.826.610	3.660.505.078
5. Phải trả người lao động	315		7.393.242.276	14.809.845.916
6. Chi phí phải trả	316	V.20	8.161.924.671	1.286.220.489
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.21	9.051.532.510	4.592.794.357
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.22	5.402.184.114	7.480.992.961
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.719.170.681.004</b>	<b>1.853.786.067.209</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.23	640.858.386.642	506.122.883.525
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.24	1.078.312.294.362	1.347.663.183.684
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>484.124.493.582</b>	<b>312.690.999.585</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>483.300.957.569</b>	<b>311.980.768.346</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.25	320.907.986.082	293.510.606.839
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.25	-	(123.412.470.976)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.25	25.248.147.019	14.401.340.131
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.25	-	7.331.992.401
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.25	-	17.197.741.350
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.25	19.363.701.247	17.770.076.380
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421	V.25	117.781.123.221	85.181.482.221
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>823.536.013</b>	<b>710.231.239</b>
1. Nguồn kinh phí	432		823.536.013	710.231.239
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2.440.583.456.716</b>	<b>2.336.530.071.606</b>

# CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

### Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	
		Số đầu năm	
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)		1.258,02	1.269,19
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Đồng Nai, ngày 25 tháng 02 năm 2014



Lê Duy Diệp  
Kế toán trưởng



Đặng Trọng Thành  
Giám đốc

**CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	453.714.782.451	419.723.333.862
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	22.339.071	165.725.236
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	453.692.443.380	419.557.608.626
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	389.701.154.245	259.795.397.000
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		63.991.289.135	159.762.211.626
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	69.778.513.821	4.390.962.777
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	32.750.175.214	85.501.525.574
Trong đó: chi phí lãi vay	23		30.970.513.496	23.869.163.566
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	51.231.611.787	36.198.670.594
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	25.827.629.308	22.968.196.565
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		23.960.386.647	19.484.781.670
11. Thu nhập khác	31	VI.7	765.995.809	3.716.863.774
12. Chi phí khác	32	VI.8	2.020.312.823	558.020.350
13. Lợi nhuận khác	40		(1.254.317.014)	3.158.843.424
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		22.706.069.633	22.643.625.094
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.19	3.342.368.387	4.873.548.715
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>19.363.701.246</u>	<u>17.770.076.379</u>

Đồng Nai, ngày 25 tháng 02 năm 2014



Lê Duy Diệp  
Kế toán trưởng



Đặng Trọng Thành  
Giám đốc

**CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		22.706.069.633	22.643.625.094
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.9, V.10	182.218.396.027	113.195.722.160
- Các khoản dự phòng	03		781.501.539	267.829.102
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3, VI.4	(50.638.537.778)	24.752.317.440
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(10.843.586.627)	(4.390.962.777)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	30.970.513.496	23.869.163.566
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		175.194.356.290	180.337.694.585
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(14.986.131.978)	72.886.286.756
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		3.455.785.893	(26.869.329)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		304.679.938.864	59.952.857.058
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.441.371.422	(1.959.642.384)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(45.689.684.904)	(32.878.528.968)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.19	(5.867.155.863)	(5.199.735.286)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.347.530.002	1.166.000.653
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(24.565.658.074)	(2.925.152.230)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>395.010.351.652</b>	<b>271.352.910.855</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(225.502.902.830)	(699.467.785.340)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	594.363.637	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(13.599.343.500)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	10.735.380.146	4.046.712.777
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(214.173.159.047)</b>	<b>(709.020.416.063)</b>

# CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai


## BÁO CÁO TÀI CHÍNH


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

### Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.25	49.796.641.000	30.933.880.800
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		380.332.136.235	868.297.383.676
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(585.793.897.350)	(427.533.343.662)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(155.665.120.115)</b>	<b>471.697.920.814</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>25.172.072.490</b>	<b>34.030.415.606</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>41.019.820.353</b>	<b>6.989.404.747</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>66.191.892.843</b>	<b>41.019.820.353</b>

Đồng Nai, ngày 25 tháng 02 năm 2014

  
Lê Duy Diệp  
Kế toán trưởng

  
Đặng Trọng Thành  
Giám đốc

# CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai là doanh nghiệp Nhà nước, được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600259296 (số cũ: 4704000005) chứng nhận lần đầu ngày 07 tháng 04 năm 2004, thay đổi lần 3 ngày 23 tháng 05 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính đặt tại số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ của Công ty là 445.000.000.000 đồng.

Chủ sở hữu : Tổng Công ty phát triển Khu Công nghiệp.

Địa chỉ của chủ sở hữu: Số 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Các đơn vị trực thuộc:

<u>Đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Ban Quản lý dự án	Xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Xí nghiệp nước Thiện Tân	Xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai
Xí nghiệp nước Long Bình	Phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Xí nghiệp nước Vĩnh An	Thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai
Xí nghiệp nước Biên Hòa	Phường Quyết thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Xí nghiệp nước Xuân Lộc	Thị trấn Gia Ray, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai
Xí nghiệp nước Nhơn Trạch	Xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai
Xí nghiệp nước Tân Định	Thị trấn Định Quán, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai
Khách sạn Công đoàn	Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây lắp, thương mại và dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước: Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại: Sản xuất các sản phẩm cơ khí chuyên ngành nước;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Kinh doanh khách sạn;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Kinh doanh vật tư thiết bị phụ kiện chuyên ngành nước;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Tư vấn thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp; Thiết kế công trình cấp nước; Thiết kế hệ thống cấp nước cho công trình; Dịch vụ hỗ trợ xây dựng; Dịch vụ tư vấn thiết kế khác; Thiết kế công trình thoát nước; Lập dự án đầu tư, thẩm định dự án đầu tư; Giám sát thi công công trình dân dụng – công nghiệp; Lập hồ sơ mời thầu; Đánh giá hồ sơ dự thầu; Thẩm định thiết kế kỹ thuật; Quyết toán các dự án đầu tư; Tư vấn quản lý dự án đầu tư; Thẩm định hồ sơ mời thầu và dự toán – tổng dự toán; Thẩm định kết quả đấu thầu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị và khu công nghiệp; Xây dựng nhà ở và cho thuê nhà; Cho thuê văn phòng; Kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng: Sản xuất nước tinh khiết đóng chai;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng công trình công nghiệp;





# CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí: Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Xây dựng công trình công ích: Xây dựng các công trình cấp thoát nước; Xây dựng trạm bơm;
- Xây dựng nhà các loại: Xây dựng công trình dân dụng.

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ trên máy vi tính.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc.

Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính toàn Công ty.

### 2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

### 3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

2285  
CH  
C  
CH N  
CH V  
DAN V  
TẠI TP  
0 - 1

## CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	03 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05
Tài sản cố định khác	04 – 05

#### 6. Tài sản cố định vô hình

##### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

##### *Chi phí quy hoạch cấp nước*

Chi phí quy hoạch cấp nước tỉnh Đồng Nai đến năm 2010 và định hướng phát triển đến năm 2020 được ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Chi phí quy hoạch cấp nước được khấu hao trong 04 năm.

##### *Phần mềm máy tính*

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 03 năm.

#### 7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

2013  
NH  
NG  
HIỆM  
KIẾ  
À T  
AA  
HỒ C  
P 1

## CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### 8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phân chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

#### 9. Chi phí trả trước dài hạn

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

#### 10. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 11. Các khoản dự phòng phải trả

##### *Chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp*

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

#### 12. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là vốn đầu tư của chủ sở hữu do Ngân sách Nhà nước cấp và được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

#### 13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

## CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### 15. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

#### 16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày:

	31/12/2012	31/12/2013
VND/USD	20.828,00	21.080,00
VND/JPY	247,33	201,57
VND/WON	19,41	19,82

#### 17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.3.

**CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	921.460.238	135.383.055
Tiền gửi ngân hàng (*)	65.149.089.004	20.678.203.997
Tiền đang chuyển	121.343.601	206.233.301
Các khoản tương đương tiền	-	20.000.000.000
<b>Cộng tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b><u>66.191.892.843</u></b>	<b><u>41.019.820.353</u></b>

**(\*) Chi tiết:**

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	50.845.778.651
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	8.963.683.456
Ngân hàng TMCP Đại Á - Chi nhánh Đồng Nai	4.082.718.330
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Đồng Nai	559.681.283
Các ngân hàng khác	697.227.284
<b>Cộng</b>	<b><u>65.149.089.004</u></b>

**2. Phải thu khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hoạt động cung cấp nước	41.877.739.951	36.059.825.416
Hoạt động cung cấp dịch vụ lắp đặt (*)	2.497.727.814	2.658.935.150
<b>Cộng</b>	<b><u>44.375.467.765</u></b>	<b><u>38.718.760.566</u></b>

**(\*) Chi tiết:**

Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	1.979.877.200
Xí nghiệp nước Vĩnh An	194.588.688
Tổng công ty Tín Nghĩa	154.000.000
Các khách hàng khác	169.261.926
<b>Cộng</b>	<b><u>2.497.727.814</u></b>

**3. Trả trước cho người bán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hoạt động sản xuất kinh doanh (*)	4.640.412.009	15.672.438.599
Đầu tư xây dựng cơ bản (**)	140.600.838.320	302.983.600.464
<b>Cộng</b>	<b><u>145.241.250.329</u></b>	<b><u>318.656.039.063</u></b>

**(\*) Chi tiết:**

Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Nai	1.611.927.000
Công ty Cổ phần Bạch Đằng 4	1.411.684.994
Công ty Cổ phần nước và môi trường Việt Nam	585.759.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Quản lý Xây dựng Miền Nam	275.465.000
Công ty TNHH Ngọc Thạch	218.021.160
Các nhà cung cấp khác	537.554.855
<b>Cộng</b>	<b><u>4.640.412.009</u></b>



## CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### (\*\*) Chi tiết:

Kubota Corporation - Nhà thầu gói CP1A	12.532.276.169
Công ty Cổ phần Sông Đà 11 - Nhà thầu CP1B	693.990.422
Công ty Salcon Engineering Berhad - Nhà thầu CP2	60.012.901.363
Công ty Degremont Ltd - Nhà thầu CP3	30.432.342.458
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng cấp thoát nước - Nhà thầu CP4	32.470.334.447
Công ty Nippon Koei - Gói thầu tư vấn	2.659.141.207
Các nhà cung cấp khác	1.799.852.254
<b>Cộng</b>	<b>140.600.838.320</b>

#### 4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền nước phải thu đồng bào dân tộc	244.949.040	356.108.415
Bảo hiểm xã hội	104.698.460	68.723.488
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Xây dựng cấp nước Đồng Nai	-	2.587.500.000
Phải thu cổ tức đợt 1 năm 2012 Công ty Cổ phần Dịch vụ Xây dựng cấp nước Đồng Nai	-	344.250.000
Tạm ứng bồi thường cho 10 hộ dân theo CV 879	3.551.108.000	-
Tạm ứng bồi thường cho 3 hộ dân theo CV 5261	930.862.000	-
Phải thu khác	2.545.371.349	2.323.011.844
<b>Cộng</b>	<b>7.376.988.849</b>	<b>5.679.593.747</b>

#### 5. Dự phòng phải thu khó đòi

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	150.000.000	-
Trích lập dự phòng	786.009.409	150.000.000
Hoàn nhập dự phòng	(150.000.000)	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>786.009.409</b>	<b>150.000.000</b>

#### 6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	31.484.744.758	34.652.642.140
Công cụ, dụng cụ	1.393.293.595	1.681.182.106
<b>Cộng</b>	<b>32.878.038.353</b>	<b>36.333.824.246</b>

#### 7. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

Là thuế thu nhập doanh nghiệp. Xem thêm thuyết minh V.19.

#### 8. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	1.429.137.368	1.551.293.938
Kinh phí sửa chữa duy tu trụ cứu hỏa	174.736.791	450.015.824
<b>Cộng</b>	<b>1.603.874.159</b>	<b>2.001.309.762</b>

**CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	139.131.964.379	256.639.009.495	679.894.241.834	5.925.721.455	2.857.092.344	1.084.448.029.507
Tăng trong năm	149.084.576.830	359.661.898.039	562.704.274.179	14.828.505.419	13.645.395.970	1.099.924.650.437
<i>Mua sắm mới</i>	-	9.781.929.368	670.080.000	250.710.546	-	10.702.719.914
<i>Xây dựng cơ bản</i>	149.084.576.830	349.879.968.671	562.034.194.179	14.577.794.873	13.645.395.970	1.089.221.930.523
Giảm trong năm	(384.874.663)	(4.032.023.032)	(2.444.754.510)	(2.036.992.980)	(47.429.500)	(8.946.074.685)
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	(75.654.532)	(2.871.862.386)	(2.364.483.161)	(68.212.121)	(47.429.500)	(5.427.641.700)
<i>Giảm khác</i>	(309.220.131)	(1.160.160.646)	(80.271.349)	(1.968.780.859)	-	(3.518.432.985)
<b>Số cuối năm</b>	<b>287.831.666.546</b>	<b>612.268.884.502</b>	<b>1.240.153.761.503</b>	<b>18.717.233.894</b>	<b>16.455.058.814</b>	<b>2.175.426.605.259</b>
<i>Trong đó:</i>						
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	30.252.630.791	133.770.232.455	142.874.969.740	2.637.527.923	2.399.556.889	311.934.917.798
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	105.170.283.706	163.125.708.118	366.939.369.928	4.736.499.190	2.399.556.889	642.371.417.831
Tăng trong năm	33.125.359.971	55.685.508.487	89.647.973.272	1.919.562.903	1.490.046.625	181.868.451.258
<i>Khấu hao trong năm</i>	33.125.359.971	55.685.508.487	89.647.973.272	1.919.562.903	1.490.046.625	181.868.451.258
Giảm trong năm	(356.910.118)	(3.700.471.193)	(1.935.780.441)	(1.553.786.307)	(47.429.500)	(7.594.377.559)
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	(75.654.532)	(2.871.862.386)	(1.878.326.005)	(68.212.121)	(47.429.500)	(4.941.484.544)
<i>Giảm khác</i>	(281.255.586)	(828.608.807)	(57.454.436)	(1.485.574.186)	-	(2.652.893.015)
<b>Số cuối năm</b>	<b>137.938.733.559</b>	<b>215.110.745.412</b>	<b>454.651.562.759</b>	<b>5.102.275.786</b>	<b>3.842.174.014</b>	<b>816.645.491.530</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	33.961.680.673	93.513.301.377	312.954.871.906	1.189.222.265	457.535.455	442.076.611.676
Số cuối năm	149.892.932.987	397.158.139.090	785.502.198.744	13.614.958.108	12.612.884.800	1.358.781.113.729

**10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Quy hoạch cấp nước	Phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	10.020.750.480	1.274.564.000	116.048.088	11.411.362.568
Tăng trong năm	325.552.000	-	270.000.000	595.552.000
Giảm trong năm	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>10.346.302.480</b>	<b>1.274.564.000</b>	<b>386.048.088</b>	<b>12.006.914.568</b>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu năm	-	1.031.789.905	51.377.414	1.083.167.319
Tăng trong năm	-	242.774.095	107.170.674	349.944.769
<i>Khấu hao trong năm</i>	-	242.774.095	107.170.674	349.944.769
Giảm trong năm	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>1.274.564.000</b>	<b>158.548.088</b>	<b>1.433.112.088</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	10.020.750.480	242.774.095	64.670.674	10.328.195.249
Số cuối năm	10.346.302.480	-	227.500.000	10.573.802.480

**CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****11. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Các công trình xây dựng cơ bản dở dang</b>		
Nhà máy nước Trảng Bom	9.817.873.832	8.882.826.019
Nhà máy nước Tân Phú	9.386.709.779	6.444.387.127
Nhà máy nước Định Quán	2.579.515.152	2.399.338.953
Dự án Cấp nước Nhơn Trạch	614.847.860.407	1.288.466.189.915
Dự án Cấp nước Thiện Tân	14.361.219.791	17.528.544.047
Hệ thống cấp nước Hóa An	8.859.795.012	-
Dự án Cấp nước phường Trảng Dài	20.177.792.634	-
Các công trình khác	24.813.663.331	66.982.191.491
<b>Cộng</b>	<b><u>704.844.429.938</u></b>	<b><u>1.390.703.477.552</u></b>

**12. Đầu tư vào công ty con**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Tỷ lệ vốn điều lệ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Tỷ lệ vốn điều lệ</u>	<u>Giá trị</u>
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng cấp nước Đồng Nai (a)	-	-	51,00%	2.550.000.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch (b)	52,44%	26.743.053.500	52,44%	26.743.053.500
Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh (c)	51,00%	12.750.000.000	51,00%	12.750.000.000
<b>Cộng</b>		<b><u>39.493.053.500</u></b>		<b><u>42.043.053.500</u></b>

(a): Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh số 4703000499 cấp lại lần 1 ngày ngày 03 tháng 07 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, số vốn góp của Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai chỉ còn chiếm tỷ lệ 36% nên được trình bày lại là khoản đầu tư vào công ty liên kết.

(b): Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000498 ngày 14 tháng 02 năm 2008, thay đổi ngân nhất ngày 18 tháng 05 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch 2.621.680 cổ phần, tương đương 52,44% vốn điều lệ.

(c): Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000501 ngày 18 tháng 02 năm 2008, thay đổi ngân nhất ngày 23 tháng 03 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh 1.275.000 cổ phần, tương đương 51,00% vốn điều lệ.

**13. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Tỷ lệ vốn điều lệ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Tỷ lệ vốn điều lệ</u>	<u>Giá trị</u>
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng cấp nước Đồng Nai (a)	36,00%	5.137.500.000	-	-
Công ty Cổ phần Cấp nước Hồ Cầu Mới (b)	36,00%	2.160.000.000	36,00%	2.160.000.000
<b>Cộng</b>		<b><u>7.297.500.000</u></b>		<b><u>2.160.000.000</u></b>

(a): Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh số 4703000499 cấp lại lần 1 ngày ngày 03 tháng 07 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, số vốn góp của Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai chỉ còn chiếm tỷ lệ 36% nên được trình bày lại là khoản đầu tư vào công ty liên kết.



## CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(b): Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3602213547 ngày 07 tháng 01 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp nước Hồ Cầu Mới 2.160.000.000 đồng, tương đương 36,00% vốn điều lệ.

#### 14. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	Số lượng cổ phiếu	Giá trị
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	95.010	950.100.000	95.010	950.100.000
Công ty Cổ phần dịch vụ Sonadezi	100.000	1.000.000.000	100.000	1.000.000.000
<b>Cộng</b>		<b>1.950.100.000</b>		<b>1.950.100.000</b>

#### 15. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối năm
Công cụ dụng cụ xuất dùng	206.977.936	2.985.559.433	(1.699.757.652)	1.492.779.717
Chi phí sửa chữa	422.518.589	943.386.000	(1.365.904.589)	-
Chi phí hỗ trợ di dời nhà văn phòng Ban Quản lý dự án	1.439.114.644	-	(1.439.114.644)	-
<b>Cộng</b>	<b>2.068.611.169</b>	<b>3.928.945.433</b>	<b>(4.504.776.885)</b>	<b>1.492.779.717</b>

#### 16. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	135.341.932.528	88.952.804.321
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đồng Nai (1)</i>	79.630.768.544	79.121.691.467
<i>Ngân hàng TMCP Á Châu (2)</i>	3.650.126.964	9.831.112.854
<i>Ngân hàng Xuất nhập khẩu Việt Nam (3)</i>	22.061.592.326	-
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (4)</i>	29.999.444.694	-
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	23.000.000.000	5.500.000.000
<i>Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh</i>	3.000.000.000	3.000.000.000
<i>Công ty Cổ phần Dịch vụ Xây dựng cấp nước Đồng Nai</i>	-	2.500.000.000
<i>Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch</i>	20.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>158.341.932.528</b>	<b>94.452.804.321</b>

(1) Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Đồng Nai theo Hợp đồng vay số 01.31/2013-HĐTDHM/NHCT680-DOWACO ngày 02/08/2013 mục đích vay dùng để bổ sung vốn lưu động; tài sản thế chấp là một phần nhà máy nước Thiện Tân, và hệ thống cấp nước Thạnh Phú.

(2) Vay Ngân hàng TMCP Á Châu theo Hợp đồng vay số DNA.DN.01010713 ngày 15/07/2013 mục đích vay dùng để bổ sung vốn lưu động; tài sản thế chấp để đảm bảo khoản vay là Hệ thống đường ống nước Bàu Xéo.

(3) Vay Ngân hàng Xuất nhập khẩu Việt Nam theo Hợp đồng vay số 1801-LAV-201301140 ngày 22/07/2013 mục đích vay dùng để thanh toán phí khai thác xử lý nước; không tài sản đảm bảo khoản vay.

(4) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo Hợp đồng vay số 2013009/HM2/KHDN ngày 20/05/2013 mục đích vay dùng để bổ sung vốn lưu động; không tài sản đảm bảo khoản vay.

**CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****17. Phải trả người bán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hoạt động sản xuất kinh doanh (*)	35.177.021.609	39.305.814.027
Đầu tư xây dựng cơ bản (**)	9.533.703.001	2.032.328.769
<b>Cộng</b>	<b>44.710.724.610</b>	<b>41.338.142.796</b>
(*) Chi tiết:		
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	13.972.643.771	
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng cấp nước Đồng Nai	5.272.509.563 ✓	
Công ty Cổ phần khoan và xây lắp cấp thoát nước	5.011.587.149	
Công ty TNHH Thanh Sơn Tính	1.121.810.911	
Công ty TNHH Thương mại N.T.P	902.935.000	
Tổng Công ty Đầu tư xây dựng cấp thoát nước và môi trường VN	493.236.171	
Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh	578.842.873 ✓	
Công ty Cổ phần Hawaco miền nam	446.600.000	
Các nhà cung cấp khác	7.376.856.171	
<b>Cộng</b>	<b>35.177.021.609</b>	
(**) Chi tiết:		
Thuế GTGT còn phải trả nhà thầu CP1A	5.117.473.569	
Thuế GTGT còn phải trả các nhà thầu phụ	3.656.521.572	
Công ty CP nước và môi trường VN	714.307.860	
Công ty Tư vấn cấp thoát nước & Môi trường	45.400.000	
<b>Cộng</b>	<b>9.533.703.001</b>	

**18. Người mua trả tiền trước**

Là khoản người mua trả tiền trước cho hoạt động cung cấp dịch vụ lắp đặt.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Liên hiệp Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp tổng hợp Đồng Nai	1.500.000.000	1.500.000.000
Các khách hàng khác	467.914.811	931.698.894
<b>Cộng</b>	<b>1.967.914.811</b>	<b>2.431.698.894</b>

**19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế giá trị gia tăng	-	42.311.976	(42.311.976)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.173.433.499	3.342.368.387	(5.867.155.863)	(1.351.353.977)
Thuế thu nhập cá nhân	1.165.591.408	4.533.882.989	(5.048.786.633)	650.687.764
Tiền thuê đất	-	264.864.783	(264.864.783)	-
Thuế tài nguyên (*)	(30.309.537)	1.805.155.494	(1.621.622.421)	153.223.536
Các loại thuế khác	-	5.000.000	(5.000.000)	-
Phí bảo vệ môi trường	1.321.480.171	17.125.154.788	(16.991.719.649)	1.454.915.310
<b>Cộng</b>	<b>3.630.195.541</b>	<b>27.118.738.417</b>	<b>(29.841.461.325)</b>	<b>907.472.633</b>

(\*): Trình bày khoản mục Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước theo thuyết minh V.7.

**CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	22.706.069.633	22.643.625.094
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(9.336.596.085)	(3.149.430.236)
<i>Chi phí không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế</i>	<i>103.212.291</i>	<i>482.133.364</i>
<i>Cổ tức được chia</i>	<i>(9.439.808.376)</i>	<i>(3.631.563.600)</i>
Thu nhập tính thuế	13.369.473.548	19.494.194.858
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b><u>3.342.368.387</u></b>	<b><u>4.873.548.715</u></b>

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**20. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	5.009.745.791	580.738.785
Chi phí Cải tạo tuyến ống nước	1.380.536.856	-
Chi phí lắp đặt hệ thống nước	923.615.847	-
Chi phí nạo vét hòng thu nước thô	266.690.000	294.462.000
Chi phí sơn sửa	275.262.000	-
Chi phí lập báo cáo giám sát chất lượng môi trường	130.363.636	-
Chi phí phải trả khác	175.710.541	411.019.704
<b>Cộng</b>	<b><u>8.161.924.671</u></b>	<b><u>1.286.220.489</u></b>

**21. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	1.570.037.769	1.647.002.986
Phí bảo vệ môi trường	1.450.986.731	1.348.013.699
Tiền cơm trưa và đồng phục nhân viên	2.096.270.000	992.800.000
Tiền nước trả trước	3.252.228.031	197.491.852
Thu hộ Công ty Cổ phần Dịch vụ Xây dựng cấp nước Đồng Nai	224.037.164	211.448.414
Phải trả phải nộp khác	457.972.815	196.037.406
<b>Cộng</b>	<b><u>9.051.532.510</u></b>	<b><u>4.592.794.357</u></b>

## CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	4.812.441.928	1.882.624.087	28.725.000	(3.948.858.000)	2.774.933.015
Quỹ phúc lợi	1.880.856.577	1.882.624.087	24.064.198	(2.237.622.694)	1.549.922.168
Quỹ phúc lợi hình thành tài sản cố định	765.560.915	-	-	-	765.560.915
Quỹ khen thưởng Ban điều hành	22.133.541	289.634.475	-	-	311.768.016
<b>Cộng</b>	<b>7.480.992.961</b>	<b>4.054.882.649</b>	<b>52.789.198</b>	<b>(6.186.480.694)</b>	<b>5.402.184.114</b>

#### 23. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm tính hạng mục XDCB tại Ban quản lý (*)	614.110.364.277	489.082.271.233
Công ty Cổ phần Thống nhất	8.799.789.072	13.141.074.374
Tổng Công ty Phát triển Khu Công Nghiệp	7.648.233.293	3.899.537.918
Tổng Công ty Phát triển KCN Long Bình	10.300.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>640.858.386.642</b>	<b>506.122.883.525</b>

(\*): Tại Ban quản lý dự án, công việc thanh toán cho các Nhà thầu nước ngoài có đặc thù riêng do dự án được tài trợ bằng vốn vay của cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA). Các hạng mục xây dựng hoàn thành sẽ được các Nhà thầu làm bộ hồ sơ thanh toán. Các hồ sơ này sẽ được chuyển đến ngân hàng Phát triển Việt Nam, và chuyển qua JICA phê duyệt.

Sau khi xem xét phê duyệt, Ngân hàng JICA sẽ chuyển phần tiền JPY vào tài khoản của nhà thầu ở nước ngoài. Riêng tiền VND thì JICA chuyển tiền JPY vào tài khoản của Bộ tài chính mở tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, sau đó chuyển JPY sang tiền VND, rồi chuyển vào TK của nhà thầu tại Việt Nam bằng VND.

Tại Ban quản lý dự án, căn cứ vào các biên bản nghiệm thu và bàn giao đã lập giữa Ban quản lý dự án và Nhà thầu, Ban quản lý dự án hạch toán tạm tăng giá trị xây dựng cơ bản đồng thời tăng khoản phải trả dài hạn khác, do các hạng mục này đã được Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam thanh toán nhưng chưa làm các thông tri nhận nợ.

Vì thời gian Ngân hàng JICA phê duyệt, thanh toán cho Nhà thầu, và Ban quản lý dự án nhận nợ rất cách xa nhau, nên tới thời điểm 31/12/2013 Ban quản lý dự án không thể xác nhận số dư đầy đủ với Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

Chi tiết các khoản nợ phải trả dài hạn khác:

	Số cuối năm
Kubota Corporation - Nhà thầu gói CP1A	64.963.659.387
Công ty Cổ phần Sông Đà 11 - Nhà thầu CP1B	14.716.386.562
Công ty Salcon Engineering Berhad - Nhà thầu CP2	59.964.215.668
Công ty Degremont Ltd - Nhà thầu CP3	270.729.988.866
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng cấp thoát nước - Nhà thầu CP4	143.093.565.454
Nhà thầu tư vấn Nippon Koei – gói thầu tư vấn	54.868.990.644
Công ty Kolon Construction	1.224.630.400
Công ty Tư vấn Kỹ thuật Dohwa	4.104.129.818
Các khoản phải trả khác	444.797.478
<b>Cộng</b>	<b>614.110.364.277</b>

**CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****24. Vay và nợ dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	908.312.294.362	1.230.663.183.684
<i>Ngân hàng TMCP Công thương - CN Đồng Nai</i>	<i>91.672.165.470</i>	<i>57.153.553.160</i>
<i>Quỹ đầu tư phát triển Đồng Nai</i>	<i>62.773.404.903</i>	<i>73.243.697.903</i>
<i>Ngân hàng phát triển Việt Nam - CN Đồng Nai</i>	<i>753.866.723.989</i>	<i>1.100.265.932.621</i>
Vay dài hạn các tổ chức khác	170.000.000.000	117.000.000.000
<i>Ngân sách tỉnh</i>	<i>170.000.000.000</i>	<i>117.000.000.000</i>
<b>Cộng</b>	<b><u>1.078.312.294.362</u></b>	<b><u>1.347.663.183.684</u></b>

**25. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Chênh lệch tỷ giá</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Quỹ dự phòng tài chính</u>	<u>Quỹ khác thuộc vốn CSH</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm trước	264.357.103.569	(205.707.067.950)	13.163.324.841	6.076.449.735	17.197.741.350	12.555.426.661	76.227.938.332	183.870.916.538
Ngân sách cấp	3.669.345.800	-	-	-	-	-	27.264.535.000	30.933.880.800
Tăng vốn từ nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	18.310.991.111	-	-	-	-	-	(18.310.991.111)	-
Tăng vốn từ lợi nhuận	7.173.166.359	-	-	-	-	(7.173.166.359)	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	1.238.015.290	1.255.542.666	-	(2.493.557.956)	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(2.682.366.463)	-	(2.682.366.463)
Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	-	-	-	(206.335.882)	-	(206.335.882)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	17.770.076.379	-	17.770.076.379
Phân bổ chi phí trong năm	-	48.500.000.000	-	-	-	-	-	48.500.000.000
Đánh giá cuối kỳ	-	33.794.596.974	-	-	-	-	-	33.794.596.974
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b><u>293.510.606.839</u></b>	<b><u>(123.412.470.976)</u></b>	<b><u>14.401.340.131</u></b>	<b><u>7.331.992.401</u></b>	<b><u>17.197.741.350</u></b>	<b><u>17.770.076.380</u></b>	<b><u>85.181.482.221</u></b>	<b><u>311.980.768.346</u></b>
Số dư đầu năm nay	293.510.606.839	(123.412.470.976)	14.401.340.131	7.331.992.401	17.197.741.350	17.770.076.380	85.181.482.221	311.980.768.346
Ngân sách cấp	17.197.000.000	-	-	-	-	-	32.599.641.000	49.796.641.000
Tăng vốn từ lợi nhuận	10.200.379.243	-	-	-	-	(10.200.379.243)	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	1.737.806.849	1.777.007.638	-	(3.514.814.487)	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(3.765.248.174)	-	(3.765.248.174)
Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	-	-	-	(289.634.475)	-	(289.634.475)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	19.363.701.246	-	19.363.701.246
Phân bổ chi phí trong năm	-	48.500.000.000	-	-	-	-	-	48.500.000.000
Đánh giá cuối kỳ	-	74.912.470.976	-	-	-	-	-	74.912.470.976
Tăng khác	-	-	9.109.000.039	-	-	-	-	9.109.000.039
Giảm khác	-	-	-	(9.109.000.039)	-	-	-	(9.109.000.039)
Nộp ngân sách	-	-	-	-	(17.197.741.350)	-	-	(17.197.741.350)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b><u>320.907.986.082</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>25.248.147.019</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>19.363.701.247</u></b>	<b><u>117.781.123.221</u></b>	<b><u>483.300.957.569</u></b>

**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của Nhà nước	320.907.986.082	293.510.606.839
Vốn góp của các cổ đông khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>320.907.986.082</u></b>	<b><u>293.510.606.839</u></b>

## CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 1. Doanh thu

#### Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	453.714.782.451	419.723.333.862
+ Doanh thu cung cấp nước	418.984.560.818	390.050.785.853
+ Doanh thu dịch vụ lắp đặt	34.730.221.633	29.672.548.009
Các khoản giảm trừ doanh thu:	22.339.071	165.725.236
+ Hàng bán bị trả lại	22.339.071	165.725.236
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>453.692.443.380</u></b>	<b><u>419.557.608.626</u></b>
Trong đó:		
+ Doanh thu cung cấp nước	418.984.560.818	390.050.785.853
+ Doanh thu dịch vụ lắp đặt	34.707.882.562	29.506.822.773

### 2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hoạt động cung cấp nước (*)	358.055.689.346	237.015.485.358
Giá vốn hoạt động cung cấp dịch vụ lắp đặt (**)	31.645.464.899	22.779.911.642
<b>Cộng</b>	<b><u>389.701.154.245</u></b>	<b><u>259.795.397.000</u></b>

(\*) Giá vốn hoạt động cung cấp nước

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	9.780.364.239	8.518.390.543
Chi nhân công trực tiếp	57.173.183.335	48.394.812.799
Chi phí sản xuất chung	291.102.141.772	180.102.282.016
<b>Tổng chi phí sản xuất</b>	<b><u>358.055.689.346</u></b>	<b><u>237.015.485.358</u></b>
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-
<b>Giá vốn của hoạt động cung cấp nước</b>	<b><u>358.055.689.346</u></b>	<b><u>237.015.485.358</u></b>

(\*\*) Giá vốn hoạt động dịch vụ lắp đặt

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	11.319.790.383	10.052.202.359
Chi nhân công trực tiếp	2.429.542.540	1.500.000.000
Chi phí sản xuất chung	17.896.131.976	11.227.709.283
<b>Tổng chi phí sản xuất</b>	<b><u>31.645.464.899</u></b>	<b><u>22.779.911.642</u></b>
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-
<b>Giá vốn của hợp đồng dịch vụ lắp đặt</b>	<b><u>31.645.464.899</u></b>	<b><u>22.779.911.642</u></b>

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.295.571.770	759.399.177
Cổ tức, lợi nhuận được chia	9.439.808.376	3.631.563.600
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	52.208.994.496	33.794.872.068
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.834.139.179	-
<b>Cộng</b>	<b><u>69.778.513.821</u></b>	<b><u>4.390.962.777</u></b>

**CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****4. Chi phí hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	30.970.513.496	23.869.163.566
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	209.205.000	3.085.172.500
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.570.456.718	58.547.189.508
<b>Cộng</b>	<b><u>32.750.175.214</u></b>	<b><u>85.501.525.574</u></b>

**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	13.061.894.226	13.049.607.462
Chi phí vật liệu, bao bì	15.385.175.563	545.624.660
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.845.669.274	286.654.462
Chi phí khấu hao TSCĐ	227.053.333	168.078.379
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.367.735.053	1.711.657.937
Chi phí bằng tiền khác	15.344.084.338	20.437.047.694
<b>Cộng</b>	<b><u>51.231.611.787</u></b>	<b><u>36.198.670.594</u></b>

**6. Chi phí quản lý**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	13.124.315.046	11.405.933.605
Chi phí vật liệu quản lý	671.552.909	68.137.770
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.314.714.531	562.167.351
Chi phí khấu hao TSCĐ	628.608.114	1.840.850.558
Thuế, phí và lệ phí	2.075.020.277	2.076.205.900
Chi phí dịch vụ mua ngoài	198.686.169	117.801.113
Chi phí bằng tiền khác	5.814.732.262	6.747.100.268
<b>Cộng</b>	<b><u>25.827.629.308</u></b>	<b><u>22.968.196.565</u></b>

**7. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thanh lý tài sản cố định, vật tư	594.363.637	-
Chi phí khấu hao 2011 đối với TSCĐ chưa nhận bàn giao từ Công ty Cao su màu và do áp dụng sai khung thời gian khấu hao	-	2.084.944.592
Hoàn nhập dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	1.230.694.997
Thu nhập khác	171.632.172	401.224.185
<b>Cộng</b>	<b><u>765.995.809</u></b>	<b><u>3.716.863.774</u></b>

**8. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí vật tư thanh lý	1.849.900.532	-
Chi phí khác	170.412.291	558.020.350
<b>Cộng</b>	<b><u>2.020.312.823</u></b>	<b><u>558.020.350</u></b>

## CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	54.916.686.879	26.623.152.693
Chi phí nhân công	96.452.337.176	82.923.386.938
Chi phí khấu hao tài sản cố định	182.218.396.027	115.280.666.752
Chi phí dịch vụ mua ngoài	88.639.003.263	47.379.208.423
Chi phí khác	44.533.971.995	46.755.849.353
<b>Cộng</b>	<b><u>466.760.395.340</u></b>	<b><u>318.962.264.159</u></b>

#### VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

##### 1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Năm nay</u>
Tặng vốn từ lợi nhuận	10.200.379.243
Chi phí lãi vay được vốn hóa	19.274.115.617
Lãi vay phải trả	4.554.944.209
Chênh lệch ứng trước nhà cung cấp hoạt động đầu tư XDCB	162.382.762.144
Chênh lệch phải trả nhà cung cấp hoạt động đầu tư XDCB	7.501.374.232
Tặng góp vốn vào đơn vị khác bằng công nợ phải thu	2.587.500.000

#### VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

##### 1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần trình bày trên Báo cáo tài chính

##### 2. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán, và được điều chỉnh theo Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012 ngày 30 tháng 10 năm 2013 của Ban Kiểm soát thuộc Tổng Công ty Phát triển Khu công nghiệp.

##### 3. Giao dịch với các bên liên quan

###### *Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Tiền lương của các thành viên Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Ban giám đốc phát sinh trong năm:

	<u>Năm nay</u>
Tiền lương Ban Giám đốc	3.499.995.420
Thù lao Hội đồng Thành viên	430.650.720
Thù lao Ban kiểm soát	206.236.500
<b>Cộng</b>	<b><u>4.155.682.640</u></b>



## CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tổng Công ty Phát triển Khu công nghiệp	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh	Công ty con
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	Công ty con

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan như sau như sau:

	<u>Năm nay</u>
<b>Tổng Công ty Phát triển Khu công nghiệp</b>	
Bán nước sinh hoạt	49.964.809.968
Nhận ứng vốn	17.197.000.000
<b>Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai</b>	
Mua dịch vụ	64.928.596.456
Nhận cổ tức	172.125.000
Lãi vay ngắn hạn	56.250.000
Tặng khoản đầu tư	2.587.500.000
<b>Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh</b>	
Mua dịch vụ	1.709.472.382
Nhận cổ tức	1.402.079.376
Lãi vay ngắn hạn	186.000.000
<b>Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch</b>	
Bán nước sạch	40.095.245.400
Nhận cổ tức	7.865.604.000
Vay vốn	20.000.000.000
Lãi vay ngắn hạn	1.100.000.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan như sau như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai</b>		
Phải thu tiền ứng trước	-	6.313.816.464
<b>Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch</b>		
Phải thu tiền ứng trước	1.823.570.070	1.547.878.322
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>1.823.570.070</b>	<b>7.861.694.786</b>



**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ TƯ VẤN THUẾ AAT**  
**AUDITING, ACCOUNTING AND TAX ADVISORY SERVICES COMPANY LIMITED**

**Trụ sở chính:**

Add: P.2407 Nhà 34T - Khu ĐTM Trung Hòa - Nhân Chính  
Đường Hoàng Đạo Thúy - P. Trung Hòa - Q. Cầu Giấy - TP. Hà Nội  
Tel: 84.4.2.2210082/84.4.2.2413585  
Fax: 84.4.2.2210084  
Email: [info@aat.com.vn](mailto:info@aat.com.vn) - Website: <http://www.aat.com.vn>  
Tax Code: 0102283607

**Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh:**

Add: Tầng 4 - Tòa nhà Mirae Business Center,  
Số 268 Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, TP. Hồ Chí Minh  
Tel: 84.8.3979 8188  
Fax: 84.8.3979 8189  
Email: [aat-hcm@aat.com.vn](mailto:aat-hcm@aat.com.vn)